

Số: **54** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **11** tháng 6 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ Giáo dục Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016-2017 và mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 của thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND).

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018; cụ thể như sau:

I. Quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, trong đó giao trách nhiệm UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2017-2018 và các năm tiếp theo theo nguyên tắc học phí hàng năm sẽ được điều chỉnh tăng dần trong khung quy định, đến năm học 2020-

2021 mức thu học phí sẽ bằng mức cao nhất trong khung quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với vùng thành thị, nông thôn và bằng 50% mức cao nhất trong khung quy định đối với vùng miền núi.

UBND Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính tổ chức buổi họp với Ban Văn hoá - Xã hội HĐND Thành phố, đại diện một số Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục các cấp học về phương án đề xuất mức thu học phí.

Trên cơ sở đó, Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính có Tờ trình số 817/LN:GD&ĐT-TC ngày 27/3/2017 quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017 - 2018, báo cáo xin ý kiến Tập thể UBND Thành phố.

Ngày 28/3/2017 Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 835/SGD&ĐT-KHTC gửi một số Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THPT về việc lấy ý kiến góp ý về mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2017-2018.

Thực hiện Thông báo số 229/TB-UB ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về Kết luận của Tập thể UBND Thành phố tại phiên họp xem xét quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018; Sở Giáo dục và Đào tạo có các Công văn: Số 929/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/4/2017 về việc đánh giá tác động đến chỉ số giá tiêu dùng khi điều chỉnh mức thu học phí gửi Cục Thống kê thành phố Hà Nội; số 1125/SGD&ĐT-KHTC ngày 17/4/2017 về việc tổ chức tuyên truyền về mức thu học phí dự kiến năm học 2017-2018 gửi Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các quận, huyện, thị xã.

Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 798/STP-VBQP ngày 25/4/2017 về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017 - 2018.

Ngày 10/5/2017, Thường trực Thành ủy ban hành Thông báo kết luận số 719-TB/TU, về Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018.

Ngày 29/5/2017, UBND thành phố Hà Nội có các văn bản gửi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố: Tờ trình số 44/TTr-UBND về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018; Báo cáo số 131/BC-UBND Thuyết minh về Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và

mức thu học phí đối với Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018.

Ngày 02/6/2017, Thường trực HĐND Thành phố có Công văn số 231/HĐND-VP về chủ trương cho phép xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 4 HĐND Thành phố.

II. Học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

1. Đánh giá tình hình thực hiện thu học phí năm học 2016-2017

1.1. Những kết quả đạt được

Năm học 2016-2017, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (trừ các cơ sở giáo dục chất lượng cao) thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND.

Mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2016-2017:

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

Bậc học	Vùng	Mức thu năm học 2016 - 2017
Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT.	Thành thị	80.000
	Nông thôn	40.000
	Miền núi	10.000

Với mức thu trên năm học 2016-2017 tổng số thu từ học phí công lập cấp học mầm non và phổ thông của Thành phố khoảng 475,130 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 5,6% trong tổng số chi (từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí); kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi theo định mức khoảng 8.521,625 tỷ đồng. Như vậy nguồn thu học phí đã hỗ trợ một phần cùng với ngân sách nhà nước đáp ứng nhu cầu chi phục vụ dạy và học tại các cơ sở giáo dục công lập.

Về thực hiện chính sách miễn, giảm học phí:

- Tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được miễn học phí là: 31.258 học sinh, trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo (theo chuẩn nghèo của Thành phố) được miễn học phí là 28.597 học sinh, chiếm tỷ lệ 91,5% so với tổng số đối tượng được miễn học phí.

- Tổng số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được giảm học phí là: 15.283 học sinh, trong đó đối tượng có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo (theo chuẩn cận nghèo của Thành phố) là 12.439 học sinh chiếm tỷ lệ 81,4% so với tổng số đối tượng được giảm học phí.

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí dự kiến khoảng 15,751 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu 01a đính kèm)

Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016-2017 của Thành phố đã nhận được sự đồng thuận của cha mẹ học sinh.

1.2. Những khó khăn, tồn tại

Mức thu học phí hiện nay ở mức thấp trong khung học phí theo quy định của Chính phủ; ngoài ra các đơn vị phải sử dụng 40% tổng số thu học phí để chi thực hiện cải cách tiền lương. Như vậy kinh phí còn lại (60% nguồn thu học phí) để chi hỗ trợ phục vụ dạy và học còn rất hạn hẹp.

So với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Đồng bằng sông Hồng, mức thu học phí của thành phố Hà Nội ở mức thấp nên chưa huy động được nguồn lực từ sự đóng góp của người dân cho giáo dục.

(Chi tiết mức thu của các địa phương theo phụ biểu số 02a, 02b đính kèm)

2. Mức thu học phí năm học 2017-2018

2.1. Quy định của Trung ương về mức thu học phí

- Mức thu học phí phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phải công bố công khai mức học phí cho từng năm học.

- Tại Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Khung học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2015-2016 như sau:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Vùng	Năm học 2015-2016
1. Thành thị	Từ 60.000 đến 300.000
2. Nông thôn	Từ 30.000 đến 120.000
3. Miền núi	Từ 8.000 đến 60.000

+ Từ năm học 2016-2017 trở đi, học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

+ Theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 tăng bình quân 0,63%, chỉ số giá tiêu dùng năm 2016 tăng bình quân 2,66%, theo đó khung thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2017-2018 cụ thể là:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Vùng	Năm học 2017-2018
1. Thành thị	Từ 62.000 đến 310.000
2. Nông thôn	Từ 31.000 đến 124.000
3. Miền núi	Từ 8.200 đến 62.000

+ Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

+ Căn cứ vào khung học phí do Chính phủ quy định, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức học phí cụ thể hàng năm phù hợp với thực tế của các vùng trên địa bàn.

2.2. Đề xuất của UBND Thành phố

a) Nguyên tắc xây dựng mức thu học phí

- Mức thu học phí phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

- Mức thu học phí trong khung quy định của Chính phủ.

- Mức thu học phí phù hợp mặt bằng chung của 4 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Mức thu học phí năm học 2017 - 2018 đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND: Học phí hàng năm sẽ được điều chỉnh tăng dần trong khung quy định, đến năm học 2020-2021 mức thu học phí sẽ bằng mức cao nhất trong khung học phí năm học 2015-2016 (quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ) đối với vùng thành thị, nông thôn và bằng 50% đối với vùng miền núi; học phí được điều chỉnh tăng với tốc độ phù hợp, không gây đột biến với phụ huynh học sinh.

b) Đề xuất mức thu học phí, sử dụng số tăng thu

Căn cứ nguyên tắc nêu trên, UBND Thành phố đề xuất như sau¹:

- Mức thu học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2017-2018:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Vùng	Mức thu học phí năm học 2015-2016	Mức thu học phí năm học 2016-2017	Đề xuất mức thu học phí năm học 2017- 2018
Vùng thành thị	60.000	80.000	110.000
Số tiền tăng so với năm trước liền kề		20.000	30.000
Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		33,33%	37,50%
Vùng nông thôn	30.000	40.000	55.000
Số tiền tăng so với năm trước liền kề		10.000	15.000
Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		33,33%	37,50%
Vùng miền núi	8.000	10.000	14.000
Số tiền tăng so với năm trước liền kề		2.000	4.000
Tỷ lệ % tăng so với năm trước liền kề		25,00%	40,00%

¹ “Mức học phí năm học 2017-2018 đề xuất dựa trên cơ sở định hướng lộ trình dự kiến mức thu giai đoạn 2017 - 2021 tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 09/7/2016 của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 và mức thu học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 của thành phố Hà Nội”

- Sử dụng số tăng thu học phí: Số tăng thu học phí (chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2017-2018 với mức thu học phí năm học 2016-2017): Một phần để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định; phần còn lại để hỗ trợ chi sự nghiệp giáo dục hàng năm.

c) Đánh giá phương án đề xuất

- Mức thu học phí đề xuất phù hợp với khả năng chi trả của người dân Thành phố so với thu nhập bình quân 01 nhân khẩu 01 tháng: Kết quả khảo sát sơ bộ cho thấy thu nhập bình quân 01 nhân khẩu 01 tháng chung toàn Thành phố năm 2016 là 4.116.500 đồng (trong đó khu vực thành thị là 5.347.600 đồng, khu vực nông thôn là 2.956.300 đồng). Tỷ lệ giữa mức thu học phí đề xuất với thu nhập bình quân 01 nhân khẩu 01 tháng khoảng 2,06% với khu vực thành thị; 1,86% với khu vực nông thôn. Với thu nhập hiện nay, việc tăng học phí năm học 2017-2018 làm tăng khả năng chi trả việc học khoảng 0,56% so với thu nhập bình quân 01 nhân khẩu 01 tháng.

- Mức thu học phí đề xuất tăng so với năm học 2016-2017, nằm trong khung quy định của Chính phủ, huy động bổ sung từ nguồn đóng góp của người học, cụ thể:

- + Khu vực thành thị tăng: 30.000 đồng/học sinh/tháng, tỷ lệ 37,5%.
- + Khu vực nông thôn tăng: 15.000 đồng/học sinh/tháng, tỷ lệ 37,5%.
- + Khu vực miền núi tăng: 4.000 đồng/học sinh/tháng, tỷ lệ 40%.

- Mức học phí đề xuất năm học 2017-2018 của thành phố Hà Nội thấp hơn mức thu bình quân của các tỉnh, thành phố như: Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định.

- Tổng số thu học phí theo mức thu đề xuất dự kiến là **653,339 tỷ đồng; tăng 178,209 tỷ đồng** so năm học trước, trong đó: Khu vực thành thị tăng: 109,321 tỷ đồng, khu vực nông thôn tăng: 68,322 tỷ đồng, khu vực miền núi tăng: 0,566 tỷ đồng. Tiền thu học phí chiếm tỷ lệ 7,7% tổng số chi hoạt động thường xuyên của đơn vị. Tuy nhiên, dù học phí tăng nhưng nguồn kinh phí chi thường xuyên cho giáo dục mầm non và phổ thông công lập chủ yếu từ ngân sách nhà nước.

(Chi tiết theo phụ biểu 01b đính kèm)

- Đảm bảo an sinh xã hội: Việc điều chỉnh tăng mức thu học phí không làm ảnh hưởng đến các đối tượng học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh diện chính sách vì các đối tượng này đã được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Trung ương (Riêng đối tượng nghèo và cận nghèo thực hiện theo chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo của Thành phố). Kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí theo mức thu đề xuất khoảng 21,666 tỷ đồng.

- Tác động của việc tăng học phí đến chỉ số giá tiêu dùng:

Theo đánh giá của Cục Thống kê thành phố Hà Nội dự kiến khi áp dụng mức thu học phí mới, chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 năm 2017 tăng (so với bình quân cùng kỳ) **0,04%**, trong đó nhóm giáo dục tăng **0,72%**.

III. Học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018

Ngày 28/6/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản số 3131/BGDĐT-KHTC về mức trần học phí năm học 2016 - 2017 đối với các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo: *“Trong khi chờ Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quy định tạm thời mức thu học phí năm học 2016-2017 đảm bảo không vượt quá mức trần học phí quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ”*;

Ngày 01/8/2016, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND, trong đó quy định: *“Các trường: Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long và Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội là 02 đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, HĐND Thành phố quy định tạm thu mức học phí năm học 2016-2017 trong khi chờ Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo”*.

Đến thời điểm hiện nay, Chính phủ chưa ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, để có cơ sở xây dựng mức thu học phí năm học 2017-2018 cho 02 (hai) trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long và Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội, UBND Thành phố đề xuất như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện thu học phí năm học 2016-2017

Năm học 2016-2017, tổng số thu từ học phí của 02 (hai) trường khoảng 1,317 tỷ đồng. Số đối tượng miễn học phí thuộc đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp là 542 người. Số tiền được ngân sách cấp bù thực hiện chế độ miễn, giảm học phí năm 2017 khoảng 2,953 tỷ đồng.

Mức thu học phí đang thực hiện của 02 (hai) trường đã nhận được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

2. Mức thu học phí

2.1. Quy định của Trung ương

- Học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Chính phủ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và tiến tới sẽ tính đúng, tính đủ chi phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Chính phủ được xác định trên cơ sở tính toán có sự cân đối giữa hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, thực hiện theo lộ trình giảm dần bao cấp của Nhà nước.

- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phải công bố công khai mức học phí từng năm học cùng với dự kiến cả khóa học.

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức trần học phí đối với đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015-2016 đến 2020-2021; đồng thời giao UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quyết định về mức học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương.

2.2. Đề xuất của UBND Thành phố

a. Nguyên tắc xây dựng mức thu

Mức thu học phí năm học 2017-2018 của trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long và Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội được xây dựng theo nguyên tắc: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và toàn bộ chi phí quản lý từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2018 (theo quy định về lộ trình tính giá của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) nhưng không vượt mức trần đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

b. Đề xuất mức thu cụ thể

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

STT	Nhóm ngành, tên ngành đào tạo	Mức thu học phí năm học 2016-2017	Đề xuất mức thu học phí năm học 2017-2018
1	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long		
1.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản: (mức trần)	1.225.000	1.225.000
	<i>Mức thu (thực hiện - Đề xuất)</i>	<i>800.000</i>	<i>900.000</i>
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		<i>100.000</i>
	<i>Tỷ lệ % giữa mức thu so với mức trần</i>	<i>65%</i>	<i>73%</i>
	<i>Tỷ lệ % tăng mức thu so với năm học trước liền kề</i>		<i>13%</i>
1.2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch: (mức trần)	1.435.000	1.435.000
	<i>Mức thu (thực hiện - Đề xuất)</i>	<i>800.000</i>	<i>900.000</i>
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		<i>100.000</i>
	<i>Tỷ lệ % giữa mức thu so với mức trần</i>	<i>56%</i>	<i>63%</i>
	<i>Tỷ lệ % tăng mức thu so với năm học trước liền kề</i>		<i>13%</i>
2	Trường Trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội		

STT	Nhóm ngành, tên ngành đào tạo	Mức thu học phí năm học 2016-2017	Đề xuất mức thu học phí năm học 2017-2018
2.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản: (mức trần)	1.225.000	1.225.000
	<i>Mức thu (thực hiện - Đề xuất)</i>	<i>650.000</i>	<i>750.000</i>
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		<i>100.000</i>
	<i>Tỷ lệ % giữa mức thu so với mức trần</i>	<i>53%</i>	<i>61%</i>
	<i>Tỷ lệ % tăng mức thu so với năm học trước liền kề</i>		<i>15%</i>
2.2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch: (mức trần)	1.435.000	1.435.000
	<i>Mức thu (thực hiện - Đề xuất)</i>	<i>700.000</i>	<i>800.000</i>
	<i>Số tiền tăng so với năm trước liền kề</i>		<i>100.000</i>
	<i>Tỷ lệ % giữa mức thu so với mức trần</i>	<i>49%</i>	<i>56%</i>
	<i>Tỷ lệ % tăng mức thu so với năm học trước liền kề</i>		<i>14%</i>

2.3. Đánh giá phương án đề xuất

- Việc điều chỉnh tăng mức thu học phí sẽ giúp các trường tăng thêm nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút sinh viên theo học tại trường, đồng thời đảm bảo lộ trình quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm đã được Đại hội Đảng lần thứ XII đề ra.

- Việc điều chỉnh tăng học phí không làm ảnh hưởng đến các đối tượng chính sách vì các đối tượng này đã được hưởng chính sách miễn giảm học phí, theo quy định.

- Tốc độ tăng mức thu học phí so với năm học trước ở mức 100.000 đồng/tháng/học sinh (với tỷ lệ tăng từ 13% đến 15%).

IV. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2017-2018.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ban Văn hóa Xã hội, Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP N.N.Kỳ, T.V.Dũng;
- KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX_{ch}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

22825 (22)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ THU HỌC PHÍ, ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2016-2017
(Kèm theo Tờ trình số: 54 /TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

ST T	Cấp học	Học sinh (người)								Mức thu học phí theo Nghị quyết 03/2016/NQ- HĐND (đồng/học sinh/tháng)	Số thu học phí (triệu đồng)	Số kinh phí miễn giảm (triệu đồng)	Dự toán NSNN cấp chi thường xuyên năm 2017 (triệu đồng)	Tỷ lệ thu học phí so với tổng chi phí
		Tổng số	Số học sinh miễn học phí			Số học sinh giảm học phí								
			Tổng số	Diện hộ nghèo	Các đối tượng còn lại được miễn	Tổng số	Diện hộ cận nghèo được giảm 50% học phí	Các đối tượng chính sách còn lại được giảm 50% học phí	Các đối tượng chính sách được giảm 70% học phí					
A	B	I	2= 3+4	3	4	5=6+7+8	6	8	7	9	10	11	12	13
	Tổng số	966.007	31.258	28.597	2.661	15.283	12.439	902	1.942		475.130	15.751	8.521.625	5,6%
	Thành thị	411.840	5.602	4.278	1.324	2.692	2.255	437	0	80.000	291.522	5.002		
	Nông thôn	535.122	23.846	22.555	1.291	10.349	9.804	465	80	40.000	182.191	10.453		
	Miền núi	19.045	1.810	1.764	46	2.242	380	0	1.862	10.000	1.417	296		
1	Mầm non	410.508	9.129	8.829	300	3.883	2.755	73	1.055		197.819	3.956		
	Thành thị	156.556	781	684	97	260	235	25		80.000	112.064	656		
	Nông thôn	245.184	7.533	7.332	201	2.455	2.392	48	15	40.000	85.111	3.155		
	Miền núi	8.768	815	813	2	1.168	128	0	1.040	10.000	644	145		
2	Trung học cơ sở	380.289	16.557	15.092	1.465	8.335	6.850	656	829		186.031	8.284		
	Thành thị	164.581	2.588	1.867	721	1.270	960	310		80.000	116.178	2.320		
	Nông thôn	208.903	13.126	12.418	708	6.128	5.717	346	65	40.000	69.372	5.833		
	Miền núi	6.805	843	807	36	937	173	0	764	10.000	481	131		
3	Trung học phổ thông	155.697	4.619	3.847	772	2.656	2.433	165	58		80.789	2.860		
	Thành thị	79.265	1.721	1.329	392	883	789	94		80.000	55.514	1.557		
	Nông thôn	72.960	2.746	2.374	372	1.636	1.565	71		40.000	24.983	1.283		
	Miền núi	3.472	152	144	8	137	79		58	10.000	292	20		
4	Giáo dục thường xuyên	19.513	953	829	124	409	401	8	0		10.491	651		
	Thành thị	11.438	512	398	114	279	271	8		80.000	7.766	469		
	Nông thôn	8.075	441	431	10	130	130			40.000	2.725	182		
	Miền núi		0			0				10.000	0	0		

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN SỐ THU HỌC PHÍ, ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2017-2018**
(Kèm theo Tờ trình số: **54** /TTr-UBND ngày **11** tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

ST T	Cấp học	Học sinh (người)								Mức thu (đồng/học sinh/tháng)		Dự kiến số thu học phí (triệu đồng)			Số kinh phí miễn giảm (triệu đồng)		Dự toán NSNN cấp chi thường xuyên năm 2017(triệu đồng)	Tỷ lệ thu học phí so với tổng chi phí	
		Tổng số	Số học sinh miễn học phí			Số học sinh giảm học phí				Đang thực hiện	Đề xuất	Theo mức thu đang thực hiện	Theo mức thu đề xuất	Chênh lệch (đề xuất - thực hiện)	Theo mức thu đang thực hiện	Theo mức thu đề xuất		Theo mức thu đang thực hiện	Theo mức thu đề xuất
			Tổng số	Diện hộ nghèo	Các đối tượng còn lại được miễn	Tổng số	Diện hộ cận nghèo giảm 50% học phí	Các đối tượng chính sách còn lại được giảm 50% học phí	Các đối tượng chính sách được giảm 70% học phí										
A	B	1	2= 3+4	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13= 12-11	14	15	16	17	18
	Tổng số	966.007	31.258	28.597	2.661	15.283	12.439	902	1.942			475.130	653.339	178.209	15.751	21.666	8.521.625	5,6%	7,7%
	Thành thị	411.840	5.602	4.278	1.324	2.692	2.255	437	0	80.000	110.000	291.522	400.843	109.321	5.002	6.878			
	Nông thôn	535.122	23.846	22.555	1.291	10.349	9.804	465	80	40.000	55.000	182.191	250.513	68.322	10.453	14.372			
	Miền núi	19.045	1.810	1.764	46	2.242	380	0	1.862	10.000	14.000	1.417	1.983	566	296	416			
1	Mầm non	410.508	9.129	8.829	300	3.883	2.755	73	1.055			197.819	272.019	74.200	3.956	5.442			
	Thành thị	156.556	781	684	97	260	235	25		80.000	110.000	112.064	154.089	42.025	656	901			
	Nông thôn	245.184	7.533	7.332	201	2.455	2.392	48	15	40.000	55.000	85.111	117.028	31.917	3.155	4.338			
	Miền núi	8.768	815	813	2	1.168	128	0	1.040	10.000	14.000	644	902	258	145	203			
2	Trung học cơ sở	380.289	16.557	15.092	1.465	8.335	6.850	656	829			186.031	255.804	69.773	8.284	11.395			
	Thành thị	164.581	2.588	1.867	721	1.270	960	310	0	80.000	110.000	116.178	159.744	43.566	2.320	3.191			
	Nông thôn	208.903	13.126	12.418	708	6.128	5.717	346	65	40.000	55.000	69.372	95.387	26.015	5.833	8.020			
	Miền núi	6.805	843	807	36	937	173	0	764	10.000	14.000	481	673	192	131	184			
3	Trung học phổ thông	155.697	4.619	3.847	772	2.656	2.433	165	58			80.789	111.090	30.301	2.860	3.934			
	Thành thị	79.265	1.721	1.329	392	883	789	94		80.000	110.000	55.514	76.331	20.817	1.557	2.141			
	Nông thôn	72.960	2.746	2.374	372	1.636	1.565	71		40.000	55.000	24.983	34.351	9.368	1.283	1.764			
	Miền núi	3.472	152	144	8	137	79		58	10.000	14.000	292	408	116	20	29			
4	Giáo dục thường xuyên	19.513	953	829	124	409	401	8	0			10.491	14.426	3.935	651	895			
	Thành thị	11.438	512	398	114	279	271	8		80.000	110.000	7.766	10.679	2.913	469	645			
	Nông thôn	8.075	441	431	10	130	130			40.000	55.000	2.725	3.747	1.022	182	250			

TỔNG HỢP MỨC THU HỌC PHÍ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
NĂM HỌC 2016-2017 CỦA 04 THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Tờ trình số: 54 /TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh.

Số TT	Nội dung	Thành phố trực thuộc trung ương				Mức thu bình quân
		Thành phố HCM	Thành phố Đà Nẵng	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Hải Phòng	
1	Nhà trẻ					
	Thành thị	200	70-95	65-130	194	144
	Nông thôn	140	35	30-65	88	78
	Miền núi		8		59	34
2	Mẫu giáo					0
	Thành thị	160	70-95	65-130	194	134
	Nông thôn	100	35	30-65	82	66
	Miền núi		8		59	34
3	Trung học cơ sở					0
	Thành thị	100	60	40	88	71
	Nông thôn	85	30	20	59	49
	Miền núi		8		59	34
4	Trung học phổ thông					0
	Thành thị	120	60-70	50	119	89
	Nông thôn	100	30	30	74	59
	Miền núi		8		59	34
5	GDTX cấp THCS					0
	Thành thị	100	60	50	88	75
	Nông thôn	85	30	40	59	54
	Miền núi				59	59
6	GDTX cấp THPT					0
	Thành thị	120	60-70	60	119	91
	Nông thôn	100	30	50	74	64
	Miền núi				59	59
7	Mức thu bình quân					0
	Thành thị	133	69	66	134	101
	Nông thôn	102	32	39	73	62
	Miền núi		8		59	34

Ghi chú: Thành phố Đà Nẵng, Cần Thơ có 02 mức thu đối với vùng thành thị, nông thôn là do Thành phố quy định mức thu cho các quận, huyện theo các mức thu khác nhau

**TỔNG HỢP MỨC THU HỌC PHÍ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
NĂM HỌC 2016-2017 CỦA 10 TỈNH THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**
(Kèm theo Tờ trình số: **54** /TTr-UBND ngày **11** tháng 6 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh.

Số TT	Nội dung	Vùng Đồng bằng sông Hồng										Mức thu bình quân
		Thành phố Hải Phòng	Tỉnh Hải Dương	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tỉnh Hưng Yên	Tỉnh Thái Bình	Tỉnh Nam Định	Tỉnh Hà Nam	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Quảng Ninh	
1	Nhà trẻ											
	Thành thị	194	150	150	100	82	110	120	110-120	120	125	127
	Nông thôn	88	110	90-120	80	63	70	80	65	75	50	79
	Miền núi	59	60		40					50	20	46
2	Mẫu giáo											0
	Thành thị	194	120	140	100	70	110	120	110-120	100	125	119
	Nông thôn	82	90	80-110	60	50	70	80	65	65	50	71
	Miền núi	59	60		30					45	20	43
3	Trung học cơ sở											0
	Thành thị	88	90	90	80	60	60	90	80-90	95	60	80
	Nông thôn	59	70	50-70	60	44	30	60	55	50	30	52
	Miền núi	59	50		30					35	15	38
4	Trung học phổ thông											0
	Thành thị	119	120	140	120	70	70	120	90-105	115	125	110
	Nông thôn	74	90	80-110	90	57	40	80	70	75	50	72
	Miền núi	59	60		60					45	20	49
5	GDTX cấp THCS											0
	Thành thị	88		140	80	60				95	60	87
	Nông thôn	59		80-110	60	44				50	30	56
	Miền núi	59			30					35	15	35
6	GDTX cấp THPT											0
	Thành thị	119	120	140	120	70	70	120	90-105	115	125	110
	Nông thôn	74	90	80-110	90	57	40	80	70	75	50	72
	Miền núi	59	60		60					45	20	49
7	Mức thu bình quân											0
	Thành thị	134	120	133	100	69	84	114	98	107	103	83
	Nông thôn	73	90	91	73	53	50	76	65	65	43	52
	Miền núi	59	58	0	42	0	0	0	0	43	18	44

Ghi chú: - Tỉnh Bắc Ninh quy định 02 mức thu đối với vùng nông thôn là do Tỉnh quy định riêng mức thu cho các thị trấn thuộc huyện, các xã thuộc Thành phố, các xã thuộc huyện
- Tỉnh Hà Nam quy định 02 mức thu đối với vùng thành thị là do Tỉnh quy định riêng mức của phường thuộc thành phố và các thị trấn thuộc huyện.



Số: /2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 4**

(Từ ngày /7/2017 đến ngày /7/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 11/6/2017 của UBND Thành phố về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình của UBND Thành phố về quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội và trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long; trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội và Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long; Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội.

3. Học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2017-2018

a) Mức thu học phí

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

Bậc học	Vùng	Mức thu năm học 2017-2018
Nhà trẻ; Mẫu giáo; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Giáo dục thường xuyên cấp THCS; Giáo dục thường xuyên cấp THPT	Thành thị	110.000
	Nông thôn	55.000
	Miền núi	14.000

b) Sử dụng số tăng thu học phí

Số tăng thu học phí (chênh lệch giữa mức thu học phí năm học 2017-2018 với mức thu học phí năm học 2016-2017): Một phần để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định; phần còn lại để hỗ trợ chi sự nghiệp giáo dục hàng năm.

4. Mức thu học phí đối với trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội năm học 2017-2018

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

TT	Nhóm ngành, nghề	Mức thu năm học 201 -2018
I	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long	
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản.	900.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch.	900.000
II	Trường trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội	
1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản.	750.000
2	Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch.	800.000

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, nếu cần bổ sung, điều chỉnh các nội dung, cơ chế chính sách phù hợp tình hình thực tế thì Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung.

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức thu học phí đối với chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2018-2019 và các năm tiếp theo theo nguyên tắc học phí hàng năm sẽ được điều chỉnh tăng dần trong khung quy định, đến năm học 2020-2021 mức thu học phí sẽ bằng mức cao nhất trong khung quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ đối với vùng thành thị, nông thôn và bằng 50% mức cao nhất trong khung quy định đối với vùng miền núi.

c) Chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí đến năm học 2020-2021 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận. Công khai mức thu học phí; tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý chặt chẽ các khoản thu ngoài học phí, các khoản thu tự nguyện và tình trạng dạy thêm, học thêm của các trường; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao trách nhiệm Thường trực HĐND Thành phố

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2017-2018.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- T.Trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- T.Trực: HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Hà Nội, Cổng GTĐT Thành phố, Trang Web HĐND Thành phố;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc